

KẾ HOẠCH

Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Kế hoạch số 305-KH/TU ngày 09/5/2025 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” và xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 506/TTr-SKHCN ngày 13/02/2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích chung

Cụ thể hóa mục tiêu, nội dung Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW, ngày 21/3/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 305-KH/TU, ngày 09/5/2025 của Thành ủy Đà Nẵng về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Quyết định số 379/QĐ-TTg, ngày 20/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Người cao tuổi tham gia chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, khởi nghiệp và tạo việc làm”; và các Đề án, Kế hoạch của UBND thành phố Đà Nẵng: Đề án “Phát triển nguồn tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030 tại thành phố Đà Nẵng” ban hành kèm theo Quyết định số 2854/QĐ-UBND ngày 04/12/2025; Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 ban hành kèm theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 22/9/2025 về đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2025-2026 và Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 31/12/2025 về triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố năm 2026.

2. Chỉ tiêu cụ thể năm 2026

a) Duy trì 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.

b) Phấn đấu 80% học sinh trung học phổ thông và thanh niên trên địa bàn thành phố được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về kỹ năng số cơ bản; trang bị kỹ năng bảo đảm an toàn khi học tập, giao tiếp và tham gia hoạt động xã hội trên môi trường số thông qua các chương trình ngoại khóa, chuyên đề hoặc hoạt động Đoàn, Hội.

c) Phấn đấu 80% người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã; các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, người dân trên địa bàn thành phố nắm bắt và có hiểu biết, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lao động, sản xuất và đời sống; khuyến khích áp dụng các công cụ AI phù hợp, thiết thực.

d) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến đề đa số người dân trên địa bàn thành phố được cung cấp thông tin, tài liệu hướng dẫn về bảo đảm an toàn thông tin cá nhân; nhận diện và phòng ngừa các phương thức, thủ đoạn phổ biến của tội phạm công nghệ cao và các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

3. Yêu cầu

a) Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” đồng bộ từ thành phố đến cơ sở; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn phù hợp từng nhóm đối tượng; cán bộ, đảng viên thực hiện gương mẫu, góp phần lan tỏa tinh thần tự học, tự nâng cao tri thức, kỹ năng số, chuyển quá trình học tập, rèn luyện, nâng cao và ứng dụng tri thức số trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người dân

b) Ưu tiên sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến, tài liệu số và công cụ hỗ trợ phù hợp; bảo đảm mọi đối tượng, nhất là người cao tuổi, người yếu thế có thể tham gia bằng hình thức linh hoạt, dễ tiếp cận.

c) Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trong việc xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến.

d) Nội dung đào tạo, bồi dưỡng bám sát nhu cầu thực tế; có kiểm tra, đánh giá kết quả tham gia và mức độ ứng dụng sau tập huấn.

đ) Giảng viên, báo cáo viên có chuyên môn phù hợp và kinh nghiệm thực tiễn về chuyển đổi số.

e) Cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo; chủ động trao đổi, áp dụng kiến thức vào công việc chuyên môn.

g) Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình triển khai.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lan tỏa Phong trào

a) Tăng cường truyền thông về chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội; phát huy vai trò người có ảnh hưởng trong cộng đồng.

b) Duy trì hiệu quả Cổng thông tin điện tử thành phố, Tổng đài 1022, Cổng thông tin chuyển đổi số thành phố, Cổng thông tin của thành phố về Phong trào bình dân học vụ số và các nền tảng trực tuyến để cung cấp thông tin, hướng dẫn người dân.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến trên các nền tảng học tập quốc gia <https://www.binhdanhocvuso.gov.vn> và Cổng thông tin Bình dân học vụ số thành phố Đà Nẵng <https://binhdanhocvuso.danang.gov.vn>.

d) Hằng năm tổ chức “Ngày hội toàn dân học tập số” (10/10) gắn với các hoạt động trải nghiệm, hội thảo, lớp học số và hội thi về chuyển đổi số để kết nối, học hỏi, nâng cao kiến thức của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo hiệu quả truyền thông về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

2. Triển khai các nền tảng trực tuyến

a) Tổ chức rà soát nội dung, triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 22/9/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng.

b) Nghiên cứu triển khai các nền tảng học trực tuyến trong Chương trình “Bình dân học vụ số” đăng nhập bằng VneID; chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về Chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu “Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số” tại Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/4/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước, người lao động trong các doanh nghiệp, người dân” tại Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo hướng dẫn của các Bộ, ngành.

3. Nâng cao kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho từng nhóm đối tượng

a) Cập nhật, nâng cao tri thức, phổ cập kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề về nhiệm vụ, giải pháp tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu, chuyển đổi số, kỹ năng số gắn liền với chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho các đối tượng quản lý của ngành, lĩnh vực.

- Tìm hiểu, cập nhật kiến thức về nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Thực hiện chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng; Thực hiện tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo đồng bộ, thống nhất quy trình tin học hóa trong giải quyết thủ tục hành chính; Quản lý dữ liệu, an toàn an ninh thông tin mạng; Ứng dụng AI trong hoạt động công vụ; Công nghệ Blockchain - Nền tảng của sự minh bạch và phi tập trung.

b) Giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên

- Tổ chức học ngoại khóa, lồng ghép giáo dục kỹ năng số cho học sinh, sinh viên trong chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học (AI cơ bản dành cho học sinh, sinh viên; An toàn và bảo mật thông tin trên không gian mạng; Kỹ năng xử lý tình huống, báo cáo sự cố, nhận diện hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường mạng; Hướng dẫn sử dụng các nền tảng chuyển đổi số của thành phố).

- Triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó liên kết các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo với doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp.

- Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển các mô hình giáo dục mới dựa trên công nghệ số và trí tuệ nhân tạo, tạo dựng môi trường để học sinh, sinh viên tiếp cận, hình thành kỹ năng số và hưởng lợi từ thành quả chuyển đổi số của ngành.

- Phát huy vai trò của học sinh, sinh viên trong hoạt động tình nguyện tham gia phổ cập kỹ năng số cho người dân, trước hết là người thân trong gia đình, những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

c) Phổ cập kỹ năng số cho doanh nhân, người lao động trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể

- Hướng dẫn, giới thiệu các nền tảng, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- Đào tạo, tập huấn kỹ năng số để doanh nhân, công nhân và người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nắm vững xu hướng chuyển đổi số của đơn vị, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, hiệu quả lao động như; Nâng cao năng lực quản lý và điều hành của lãnh đạo doanh nghiệp trong kỷ nguyên số; Trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị nhân sự; Kinh doanh online thành công từ các công cụ số;...

d) Phổ cập kỹ năng số thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 và người dân

- Tổ chức các buổi học cộng đồng cho người dân trên địa bàn xã, phường; triển khai chương trình "mỗi tuần một kỹ năng số". Khuyến khích người dân tham gia học tập kỹ năng số trên các nền tảng học trực tuyến. Tập trung vào các nội dung thiết thực, có thể áp dụng ngay, gắn với triển khai các đề án của Chính phủ và thành phố về chuyển đổi số; như: Ứng dụng AI trong đa phương tiện và truyền thông; Giới thiệu giải pháp về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; Hướng dẫn sử dụng các nền tảng chuyển đổi số của thành phố sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số,...

- Các thôn, tổ dân phố phối hợp với Tổ Công nghệ số cộng đồng và Đề án 06, đoàn thanh niên, doanh nghiệp công nghệ số, hội phụ nữ và các tổ chức xã hội nghề nghiệp cử hội viên có hiểu biết công nghệ hướng dẫn người dân, nhất là người cao tuổi, lao động phổ thông sử dụng các nền tảng, dịch vụ số theo hướng “cầm tay chỉ việc”.

- Tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số” cho người cao tuổi về sử dụng Internet, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, nhất là an toàn số và chăm sóc sức khỏe trực tuyến.

- Tổ chức các lớp phổ cập công nghệ, kỹ năng số chuyên biệt (Công nghệ hỗ trợ như đọc màn hình, dịch thuật; Kỹ năng xử lý tình huống, báo cáo sự cố, nhận diện hành vi vi phạm pháp luật trên môi trường mạng) cho người khuyết tật với chương trình giảng dạy phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng nhóm. Duy trì và nâng cấp các trang thông tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật, bảo đảm giao diện thân thiện, tích hợp các công cụ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận văn bản, âm thanh, dịch thuật, ...theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Hỗ trợ người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa tiếp cận, sử dụng dịch vụ, nền tảng số. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm bảo đảm người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa có khả năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, thu hẹp khoảng cách số với thành thị.

4. Triển khai các mô hình, phong trào lan tỏa kỹ năng số cho cộng đồng

a) Mạng lưới “Đại sứ số”: Xây dựng mạng lưới “Đại sứ số” để phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng qua mô hình Người hướng dẫn (mentor) - Người học (mentee). Mỗi “mentor” hướng dẫn kỹ năng số cho ít nhất 5 “mentee”. Mỗi phường, xã bố trí ít nhất một nhân sự hỗ trợ, hướng dẫn khi người dân đến làm thủ tục hành chính nhưng không đủ kỹ năng thao tác trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.

b) Phong trào “Gia đình số”: Mỗi hộ gia đình có ít nhất một thành viên tham gia học tập, có hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số, sử dụng được nền tảng, dịch vụ số và hướng dẫn cho các thành viên trong gia đình.

c) Mô hình “Chợ số - Nông thôn số”: Đào tạo tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững các kỹ năng, sử dụng công nghệ, nền tảng số trong công việc kinh doanh.

d) Mô hình “Mỗi công dân - Một danh tính số”: Bảo đảm 100% công dân từ 16 tuổi ở các tổ dân phố có danh tính số, hỗ trợ người dân cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID, tài khoản ngân hàng số.

đ) Mô hình “Tổ công nghệ số cộng đồng”: Phát huy cao độ vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đã được thành lập trong triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”; tiếp tục duy trì, thực hiện phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, nhất là ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, những nơi có điều kiện khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm mọi người dân đều được phổ cập kỹ năng cơ bản về chuyển đổi số.

e) Chiến dịch Thanh niên chung tay phổ cập kỹ năng số: Các cơ sở đoàn tại địa phương trên địa bàn thành phố thực hiện chiến dịch thường xuyên theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, Tổ thanh niên chuyển đổi số. Thanh niên tình nguyện tổ chức các lớp, nhóm hướng dẫn cho người dân cách thức cài đặt, sử dụng các phần mềm, ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ số.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” được bố trí trong kinh phí thực hiện các chương trình, đề án đã được Thủ tướng Chính phủ và UBND thành phố phê duyệt về chuyển đổi số; từ nguồn ngân sách của thành phố được cấp theo quy định của pháp luật; huy động từ các nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

Về cơ chế, chính sách thu hút cộng đồng, doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức xã hội tham gia Phong trào “Bình dân học vụ số” thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 9468/BTC-KTN ngày 27 tháng 6 năm 2025 và quy định pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; các cơ quan trung ương đóng trên địa bàn thành phố; UBND các phường, xã, đặc khu

a) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan trong phần II.

c) Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân thuộc phạm vi quản lý hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất để thực hiện Phong trào.

d) Lồng ghép thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” vào kế hoạch triển khai đề án, chương trình liên quan đến chuyển đổi số do cơ quan, đơn vị chủ trì.

đ) Hằng năm, tổ chức soát xét, đánh giá, vinh danh kết quả thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”; đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc, cách làm sáng tạo, hiệu quả trong triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc địa bàn khu dân cư theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Công an thành phố, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”.

b) Chủ trì triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến về chuyển đổi số theo Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 22/9/2025 của UBND thành phố. Theo dõi, đôn đốc việc học tập, hàng năm tham mưu kế hoạch duy trì, phát triển việc học tập trên hệ thống đạt hiệu quả.

c) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số bảo đảm hạ tầng, đường truyền, kết nối Internet để thực hiện Phong trào.

d) Tổ chức triển khai Kế hoạch Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06 trên địa bàn thành phố.

đ) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này; tổ chức đánh giá kết quả đạt được, hạn chế trong thực hiện Phong trào để tham mưu, đề xuất giải pháp, cách làm sáng tạo, hiệu quả, phù hợp thực tiễn và triển khai sâu rộng Phong trào trên địa bàn thành phố.

e) Tổ chức triển khai vận hành, quản lý các Nền tảng học trực tuyến dùng chung, phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc xây dựng chương trình, bài giảng điện tử phục vụ cho từng đối tượng cụ thể.

f) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Mục IV.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại phần IV theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”.

c) Tham gia xây dựng, thẩm định ban hành các chương trình, bài giảng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

d) Phân công cán bộ theo dõi thường xuyên, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các chương trình, bài giảng có dấu hiệu vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan; vi phạm quy định pháp luật về văn hóa; gia đình; phát thanh và truyền hình; thông tin điện tử.

e) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Mục IV.

4. Công an thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại phần IV theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Tham gia xây dựng, thẩm định ban hành các chương trình, bài giảng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành đánh giá tổng thể an ninh mạng, bảo vệ an toàn dữ liệu đối với các nền tảng học trực tuyến trước khi đưa vào vận hành chính thức; phân công cán bộ theo dõi, kịp thời phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm pháp luật.

d) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Mục IV.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”, các cuộc vận động, phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong toàn ngành; quan tâm lựa chọn và đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình giảng dạy, các hoạt động ngoại khóa ở các cấp học, bậc học.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại phần IV theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Tham gia xây dựng, thẩm định ban hành các chương trình, bài giảng dành cho học sinh trung học phổ thông.

d) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chú trọng nâng cao năng lực đào tạo về công nghệ thông tin, đẩy mạnh triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Mục IV.

6. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại phần IV theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

b) Tham gia xây dựng, thẩm định ban hành các chương trình, bài giảng cho cán bộ, công chức, viên chức.

c) Nghiên cứu bổ sung tiêu chí tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng các nền tảng học trực tuyến do thành phố phát động vào công tác đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; khen thưởng tập thể, cá nhân.

d) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Mục IV.

7. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại mục II Kế hoạch.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Mục IV.

8. Thành đoàn Đà Nẵng

a) Chỉ đạo các cơ sở Đoàn phối hợp với chính quyền địa phương, Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện các hoạt động, tổ chức ra quân phổ biến, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, kỹ năng số, ứng dụng thiết bị công nghệ số vào cuộc sống hàng ngày.

b) Thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 1 Mục IV.

9. Các hội, hiệp hội công nghệ thông tin, an toàn thông tin và các doanh nghiệp công nghệ số

a) Hỗ trợ hạ tầng số và các nguồn lực về con người, tài chính; triển khai các chương trình, gói ưu đãi sử dụng sản phẩm, dịch vụ số cho người dân. Tham gia phát triển đa dạng các nền tảng số, phục vụ chính quyền, người dân trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Xây dựng các khóa học, trực tiếp tổ chức các lớp học “Bình dân học vụ số” cho các nhóm đối tượng phù hợp với thể mạnh của hội, hiệp hội, doanh nghiệp công nghệ số. Điều động nhân sự tham gia đội ngũ giáo viên, tình nguyện viên triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số”.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Trong quá trình triển khai kế hoạch, các cơ quan, đơn vị báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc và đề xuất kiến nghị với UBND thành phố theo mẫu kèm theo Phụ lục hoặc theo hướng dẫn báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ năm 2026 chậm nhất vào ngày 10/12/2026 để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND thành phố.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2026; UBND thành phố kính đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn thành phố phát huy tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao độ, hành động mạnh mẽ, đồng bộ để triển khai hiệu quả Phong trào, đẩy nhanh tiến trình, thực hiện chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số của thành phố./.

Nơi nhận:

- TT Thành ủy;
- Ban TV Đảng ủy UBND thành phố;
- Ban chỉ đạo 57 tp;
- Các Đảng ủy thuộc Thành ủy;
- Mặt trận Tổ quốc thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- Các hội, hiệp hội CNTT các DN CNTT;
- Lưu: VT, SKHCN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ

Số: /BC-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình kết quả triển khai Phong trào Bình dân học vụ số năm 2026

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Thực hiện Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2026 về Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” gắn với “Học tập số” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tình hình, kết quả triển khai, cụ thể như sau:

I. MỞ ĐẦU

Bối cảnh tình hình chung của đơn vị, địa phương (khả năng tiếp cận công nghệ số, trình độ kỹ năng công nghệ số của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân); thuận lợi, khó khăn tác động đến việc triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” (Phong trào); ảnh hưởng tác động của điều chỉnh địa giới hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp tới triển khai Phong trào.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Việc quán triệt, triển khai ban hành kế hoạch, văn bản chỉ đạo của cơ quan, địa phương; phân công nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan; kiện toàn Ban Chỉ đạo/Tổ công tác; cơ chế phối hợp giữa cơ quan, đơn vị, địa phương; chỉ đạo huy động nguồn lực, lồng ghép Phong trào với các chương trình chuyển đổi số đang triển khai; công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

Liệt kê văn bản, tài liệu triển khai.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Phong trào

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch

Kết quả thông tin, tuyên truyền; xây dựng các quy định, hướng dẫn, tài liệu, chương trình phổ cập kỹ năng số; xây dựng và khai thác các nền tảng số; công tác phổ cập, nâng cao tri thức số cho từng nhóm đối tượng; công tác triển khai các mô hình, phong trào; vấn đề bảo đảm an ninh, an toàn mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; công tác thi đua, khen thưởng.

Các mô hình hay, cách làm sáng tạo của cơ quan, đơn vị trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Phong trào.

Liệt kê:

- Số chuyên mục, chương trình, bài viết, bản tin;
- Số người có ảnh hưởng trong cộng đồng tham gia truyền thông, lan tỏa về Phong trào;
- Số lớp, tên lớp, số lượng học viên bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật, nâng cao hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước;
- Số người dân, hộ gia đình đã được tổ công nghệ số cộng đồng tới tận nhà phổ cập kỹ năng số;
- Số người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã; các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, người dân trên địa bàn thành phố nắm bắt và có hiểu biết, ứng dụng công nghệ AI;
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng tốt các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc.
- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông và sinh viên trên địa bàn thành phố được trang bị kiến thức về công nghệ AI, các kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số.
- Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã; các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng, người dân trên địa bàn thành phố nắm bắt và có hiểu biết, ứng dụng công nghệ AI trong cuộc sống.

3. Kết quả đạt được

Căn cứ mục tiêu năm 2026 được nêu trong Kế hoạch và các nhiệm vụ đã triển khai, đánh giá và lượng hóa kết quả triển khai Phong trào bằng số liệu cụ thể, có so sánh với năm 2025.

4. Khó khăn, tồn tại

Khó khăn, tồn tại phát sinh trong quá trình triển khai Phong trào.

5. Bài học kinh nghiệm

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2027

Phương hướng, nhiệm vụ triển khai Phong trào năm 2027, trong đó chú trọng các giải pháp khắc phục khó khăn, tồn tại, phát huy và nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo; gắn kết chặt chẽ giữa thực hiện Phong trào với đẩy

nhánh tiến trình chuyển đổi số của cơ quan, địa phương; xác định cụ thể mục tiêu trong năm 2027.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên đây là báo cáo tình hình triển khai Phong trào bình dân học vụ số năm 2026 và Kế hoạch năm 2027 của thành phố Đà Nẵng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)